**BÀI 25. THỰC HÀNH**

**PHÂN TÍCH LƯỢC ĐỒ PHÂN BỐ DÂN CƯ THẾ GIỚI**

Các khu vực thưa dân là các khu vực có mật độ dân số dưới 10 người/km2, còn các khu vực đông dân có mật độ dân số từ 101 người đến 200 người /km2

a) Dân cư trên thế giới phân bố không đồng đều, đại bộ phận cư trú ở Bắc Bán Cầu.

-Các khu vực đông dân: ...................................................................................................

-Các khu vực thưa dân: ...................................................................................................

b) Sự phân bố dân cư không đồng đều là do tác động của các nhân tố :

-Nhân tố tự nhiên: **............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................**-Nhân tố kinh tế – xã hội:

**............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................. ...............................................................................................................................**

-----------------/---------------

**CHƯƠNG VI. CƠ CẤU NỀN KINH TẾ**

**BÀI 26: CƠ CẤU NỀN KINH TẾ**

**I. CÁC NGUỒN LỰC PHÁT TRIỂN KT**

**1/ Khái niệm**

 Nguồn lực là tổng thể vị trí địa lý, các nguồn tài nguyên thiên nhiên, hệ thống tài sản quốc gia, nguồn nhân lực, đường lối chính sách, vốn và thị trường … ở cả trong nước và ngoài nước có thể được khai thác nhằm phục vụ cho việc phát triển KT của 1 lãnh thổ nhất định.

**2/ Các nguồn lực**

a-Căn cứ vào nguồn gốc 🡪 3 loại :

 - Vị trí địa lý: tự nhiên, ktế, chính trị, giao thông…

 - Nguồn lực tự nhiên: đất, khí hậu, nước, biển,sinh vật, khoáng sản…

 - Nguồn lực KT – XH: dsố và nguồn lao động, vốn, thị trường, khoa học-kĩ thuật và công nghệ, chính sách và xu thế ptriển.

b- Căn cứ vào phạm vi lãnh thổ => trong nước (nội lực), ngoài nước (ngoại lực).

**3/ Vai trò của nguồn lực đối với phát triển KT** **(Học sinh tự học)**

**II. CƠ CẤU NỀN KINH TẾ**

 **1- Khái niệm**

 Nội dung chủ yếu của cơ cấu kinh tế là :

- Tổng thể của các bộ phận (thành phần) hợp thành.

- Các mối quan hệ hữu cơ tương đối ổn định theo 1 tương quan hay tỷ lệ nhất định.

 **2-Các bộ phận hợp thành cơ cấu nền KT**

- Cơ cấu ngành KT.

- Cơ cấu thành phần KT.

- Cơ cấu lãnh thổ KT.

***a/ Cơ cấu ngành KT*** : Là tập hợp tất cả các ngành hình thành nên nền KT và các mối quan hệ tương đối ổn định giữa chúng.

***c-******Cơ cấu thành phầnKT:*** được hình thành dựa trên cơ sở chế độ sở hữu bao gồm nhiều thành phần kinh tế tác động qua lại với nhau.

***d- Cơ cấu lãnh thổ KT:*** Là sản phẩm của quá trình phân công lao động theo lãnh thổ, được hình thành do việc phân bố củacác ngành theo không gian địa lí.

-----------------/---------------

**CHƯƠNG VII. ĐỊA LÝ NÔNG NGHIỆP**

**BÀI 27: VAI TRÒ, ĐẶC ĐIỂM, CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG**

**MỘT SỐ HÌNH THỨC TỔ CHỨC LÃNH THỔ NÔNG NGHIỆP**

**I. VAI TRÒ VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA NN**

**1/ Vai trò** : Quan trọng trong sự phát triển xã hội loài người, không ngành nào thay thế được.

- Cung cấp lương thực, thực phẩm cho con người .

- Cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp .

- Nguồn hàng xuất khẩu, thu ngoại tệ, giải quyết việc làm.

**2/ Đặc điểm**

- Đất trồng là tư liệu sản xuất chủ yếu và không thay thế được.

- Đối tượng củasản xuất nông nghiệp là cây trồng và vật nuôi.

- Sản xuất nông nghiệp có tính mùa vu.

- Sản xuất nông nghiệp phụ thuộc vào điều kiện tự nhiên.

- Trong nền kinh tế hiện đại, nông nghiệp trở thành ngành sản xuầt hàng hóa**.**

**II/ CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG TỚI PHÁT TRIỂN VÀ PHÂN BỐ NÔNG NGHIỆP.**

**1/ Nhân tố tự nhiên**

**- Đất** : Anh hưởng đến quy mô sản xuất, cơ cấu , năng suất và phân bố cây trồng, vật nuôi.

**- Khí hậu, nước** : Anh hưởng đến xác định cơ cấu , năng suất cây trồng, vật nuôi, thời vụ, khả năng xen canh, tăng vụ, tính ổn định hay bấp bênh của sản xuất nông nghiệp.

**- Sinh vật** : Cơ sở tạo nên các giống cây trồng, vật nuôi, cơ sở thức ăn cho gia súc, xác định cơ cấu vật nuôi và sự phát triển chăn nuôi.

**2/ Nhân tố KT – XH**

**- Dân cư – lao động** : Anh hưởng đến cơ cấu và sự phân bố cây trồng, vật nuôi.

**- Sở hữu ruộng đất** : ảnh hưởng đến con đường phát triển NN, các hình thức tổ chức lãnh thổ NN.

**- Tiến bộ KHKT** : Giúp chủ động trong sản xuất , nâng cao năng suất, chất lượng và sản lượng.

**- Thị trường tiêu thụ** : Anh hưởng đến giá cả nông sản, điều tiết sản xuất và hướng chuyên môn hóa.

**III/ MỘT SỐ HÌNH THỨC TỔ CHỨC LÃNH THỔ NÔNG NGHIỆP.**

**1/ Trang trại**

- Mục đích chủ yếu là sản xuất hàng hoá với cách thức tổ chức và quản lý sản xuất tiến bộ dựa trên chuyên môn hóa và thâm canh.

- Các trang trại đều có thuê lao động.

**2/ Vùng nông nghiệp.**

- Là những lãnh thổ SXNN tương đối đồng nhất về các ĐKTN, KT – XH nhằm :

+ Phân bố hợp lý cây trồng vật nuôi.

+ Hình thành các vùng chuyên môn hóa NN.

**3/ Thể tổng hợp lãnh thổ nông nghiệp (Học sinh tự học)**

---------------------/-----------------------

***Bài 28. ĐỊA LÍ NGÀNH TRỒNG TRỌT***

**\* VAI TRÒ CỦA NGÀNH TRỒNG TRỌT**

 Là nền tảng của sản xuất nông nghiệp:

 - Cung cấp lương thực thực phẩm cho con người.

 - Cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp chế biến.

 - Cơ sở phát triển chăn nuôi.

 - Nguồn xuất khẩu có giá trị.

**I .ĐỊA LÝ CÂY LƯƠNG THỰC**

 **1- Vai trò:**

-Cung cấp tinh bột, chất dinh dưỡng cho người và gia súc.

-Cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp chế biến lương thực thực phẩm.

-Là hàng hóa xuất khẩu có giá trị.

 **2- Các cây lương thực chính**:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Cây lương thực chính** | **Đặc điểm sinh thái** | **Phân bố chủ yếu** |
| **Lúa gạo** | -Ưa khí hậu nóng ẩm,chân ruộng ngập nước.-Đất phù sa, cần nhiều phân bón. | -Miền nhiệt đới, đặc biệt là châu Á gió mùa( chiếm 9/10 sản lượng TG)-Nước trồng nhiều: Trung Quốc,Ấn Độ, Inđônêxia, VN, Banglađet, Thái lan …-Nước xuất khẩu nhiều gạo : Thái Lan ,Việt Nam, Hoa Kì… |
| **Lúa mì** | - Ưa khí hậu ấm, khô, đất màu mỡ, cần nhiều phân bón, nhiệt độ thấp vào đầu thời kì sinh trưởng | -Cây của miền ôn đới,cận nhiệt.-Các nước sản xuất nhiều: Trung Quốc,Ấn Độ,Hoa Kì, Pháp,LBNga,Canađa,Oxtrâylia…-Nước xuất khẩu nhiều:Hoa Kì , Canađa |
| **Ngô** | -Ưa khí hậu nóng, đất ẩm, nhiều mùn, dễ thoát nước.- Dễ thích nghi với sự dao động của khí hậu. | -Miền nhiệt đới, cận nhiệt, ôn đới nóng.-Các nước sản xuất nhiều: Hoa Kì (2/5 sản lượng ngô thế giới), Trung Quốc, Braxin. Mêhicô, Pháp, Achetina. |

**3- Cây lương thực khác (Học sinh tự học)**

**II/ CÂY CÔNG NGHIỆP**

**1/ Vai trò và đặc điểm**

***a/ Vai trò***

- Nguyên liệu cho công nghiệp chế biến.

- Tận dụng tài nguyên đất, phá thế độc canh, bảo vệ môi trường.

- Mặt hàng xuất khẩu có giá trị.

***b/ Đặc điểm***

- Biên độ sinh thái hẹp (có những đòi hỏi đặc biệt về nhiệt độ, ẩm, đất trồng, chế độ chăm sóc…) nên chỉ được trồng ở những nơi thích hợp.

- Thường có các XN chế biến sản phẩm cây CN ở các vùng chuyên canh.

**2/ Địa lý các cây CN chủ yếu**

- **Cây lấy đường** :

+ Mía : miền nhiệt đới (Braxin, An Độ, Cu Ba…).

+ Củ cải đường : miền ôn đới và cận nhiệt (Pháp, Ba Lan, LB Đức, Hoa Kỳ…).

- **Cây lấy sợi** : bông (Trung Quốc, Hoa Kỳ, An Độ…).

- **Cây lấy dầu** : đậu tương (Hoa Kỳ, Braxin, Trung Quốc…).

- **Cây cho chất kích thích** :

+ Chè : cận nhiệt ( Ấn Độ, Trung Quốc, Việt Nam).

+ Cà phê : Braxin, VN, Côlômbia.

- **Cây lấy nhựa** : Cao su (ĐNA, Nam Á, Tây Phi).

**III/ NGÀNH TRỒNG RỪNG**

**1/ Vai trò** : Quan trọng với môi trường sinh thái, con người.

- Điều hòa lượng nước trên mặt đất, bảo vệ đất, chống xói mòn.

-Điều hoà khí hậu, là lá phổi xanh của Trái Đất

-Cung cấp lâm sản, đặc sản phục vụ cho nhu cầu SX, đời sống như : gổ công nghiệp , xây dựng và dân sinh, nguyên liệu làm giấy, thực phẩm đặc sản, dược liệu quý…

**2/ Tình hình trồng rừng**

- Trên thế giới rừng đang bị tàn phá do con người.

- Diện tích trồng rừng càng mở rộng : 1980 (17,8 triệu ha), 1990 (43,6 tr ha), 2000 (187 tr ha). Trung bình hàng năm trồng 4,5 tr ha.

- Nước có diện tích rừng trồng nhiều : Trung Quốc, Ấn Độ, LB Nga, Hoa Kỳ…

---------------/---------------

***Bài 29 ĐỊA LÍ NGÀNH CHĂN NUÔI***

**I/ VAI TRÒ VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA NGÀNH CHĂN NUÔI**

**1/ Vai trò**

- Cung cấp cho con người thực phẩm dinh dưỡng cao (thịt, sữa, trứng).

- Cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp SX hàng tiêu dùng, công nghiệp thực phẩm, dược phẩm và sản phẩm cho xuất khẩu.

- Cung cấp sức kéo, phân bón, tận dụng phụ phẩm của ngành trồng trọt.

**2/ Đặc điểm**

- Sự phát triển và phân bố ngành chăn nuôi phụ thuộc chặt chẽ vào cơ sở nguồn thức ăn.

- Cơ sở thức ăn cho chăn nuôi đã có những tiến bộ vượt bậc nhờ những thành tựu KHKT.

- Trong nền nông nghiệp hiện đại, ngành chăn nuôi có nhiều thay đổi về hình thức và hướng chuyên môn hóa.

**II/ CÁC NGÀNH CHĂN NUÔI**

( Bảng ở SGK- bỏ phần vai trò và đặc điểm).

**III/ NGÀNH NUÔI TRỒNG THỦY SẢN**

**1/ Vai trò**

- Cung cấp đạm, nguyên tố vi lượng dễ tiêu hóa, dễ hấp thụ.

- Nguồn nguyên liệu cho CN thực phẩm.

- Mặt hàng XK có giá trị.

**2/ Tình hình nuôi trồng thủy sản**

- Ngành thủy sản gồm : khai thác và nuôi trồng.

- Nuôi trồng ngày càng phát triển : từ 10 năm trở lại đây sản lượng tăng gấp 3 lần, đạt 35 triệu tấn .

- Những nước nuôi trồng thủy sản nhiều : Trung Quốc, Nhật Bản, Pháp, Hoa Kỳ, Đông Nam Á,…

----------------/----------------

**BÀI 30: VẼ VÀ PHÂN TÍCH BIỂU ĐỒ**

**VỀ SLLT, DÂN SỐ CỦA THẾ GIỚI VÀ MỘT SỐ QUỐC GIA**

**1/ Vẽ biều đồ cột:**

**..............................................................................................................................................................................................................................................................**

**..............................................................................................................................................................................................................................................................**

**..............................................................................................................................................................................................................................................................**

**..............................................................................................................................................................................................................................................................**

**..............................................................................................................................................................................................................................................................**

**..............................................................................................................................................................................................................................................................**

**..............................................................................................................................................................................................................................................................**

**..............................................................................................................................................................................................................................................................**

**..............................................................................................................................................................................................................................................................**

**..............................................................................................................................................................................................................................................................**

**2/ Tính bình quân lương thực theo đầu người của thế giới và một số nước: (đơn vị: kg/người). Nhận xét.**

**..............................................................................................................................................................................................................................................................**

**..............................................................................................................................................................................................................................................................**

**..............................................................................................................................................................................................................................................................**

**..............................................................................................................................................................................................................................................................**

**..............................................................................................................................................................................................................................................................**

**CHƯƠNG VIII. ĐỊA LÝ CÔNG NGHIỆP**

**BÀI 31:VAI TRÒ VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA CÔNG NGHIỆP**

**CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG TỚI SỰ PHÁT TRIỂN**

**VÀ PHÂN BỐ CÔNG NGHIỆP**

**I/ VAI TRÒ VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA CÔNG NGHIỆP**

**1/ Vai trò** : Đóng vai trò chủ đạo trong nền KT quốc dân.

-Tạo ra ***khối lượng của cải vật chất rất lớn*** cho xã hội

- Cung cấp ***tư liệu sản xuất, cơ sở vật chất kỹ thuật*** cho tất cả các ngành => thúc đẩy ***sự phát triển các ngành kinh tế***

- Khai thác hiệu quả ***tài nguyên thiên nhiên***, thúc đẩy ***sự phân công lao động xã hội***

**2/ Đặc điểm**  **(Học sinh tự học)**

**II/ CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỠNG TỚI SỰ PHÁT TRIỂN VÀ PHÂN BỐ CÔNG NGHIỆP** ( sơ đồ SGK )

a. Vị trí địa lý: lựa chọn ***địa điểm***, ***cơ cấu*** ngành công nghiệp, ***hình thức tổ chức*** lãnh thổ công nghiệp

b. Nhân tố tự nhiên***: Quy mô*** cơ cấu xí nghiệp, ***sự phân bố*** ngành công nghiệp.

c. Kinh tế- xã hội:

+ Phân bố ngành công nghiệp ***phù hợp, hợp lý***

+ ***Thúc đẩy hoặc kiềm hảm, tạo thuận lợi hoặc cản trở*** con đường phát triển công nghiệp, hình thành các hình thức tổ chức lãnh thổ.

***----------/----------***

 ***Bài 32 ĐỊA LÍ CÁC NGÀNH CÔNG NGHIỆP***

**I/ CÔNG NGHIỆP NĂNG LƯỢNG**

 **1/ Vai trò**

 Là ngành kinh tế quan trọng và cơ bản , quyết định sự tồn tại và phát triển của nền SX hiện đại, là tiền đề của tiến bộ KHKT.

**2/ Cơ cấu, tình hình SX, phân bố**

Gồm : khai thác than, khai thác dầu, công nghiệp điện lực.

**a/ Khai thác than**

***-Vai trò:***

 + Nhiên liệu cho nhà máy nhiệt điện, luyện kim.

 + Nguyên liệu cho công nghiệp hóa học, dược phẩm.

***- Trữ lượng***: khoảng 13.000 tỉ tấn ( ¾ là than đá).

***- Sản lượng***: khoảng 5 tỉ tấn/ năm.

**- *Nước khai thác nhiều*** là những nước có trữ lượng lớn như: Hoa kì, LB Nga, Tquốc, Balan …

**b/ Khai thác dầu**

- ***Vai trò:***

+ Nhiên liệu quan trọng, “vàng đen” của nhiều quốc gia.

+ Nguyên liệu cho công nghiệp hóa chất.

***- Trữ lượng*** ước tính 400- 500 tỉ tấn, chắc chắn: 140 tỉ tấn.

***- Sản lượng*** khoảng 3,8 tỉ tấn / năm.

***- Nước khai thác nhiều***: các nước Trung đông, Bắc Phi, Mĩ LT, ĐNÁ…

**c/ Công nghiệp điện lực**

***- Vai trò***: cơ sở để phát triển nền công nghiệp hiện đại, đẩy mạnh tiến bộ KHKT và đáp ứng yêu cầu đời sống văn minh, hiện đại.

***- Cơ cấu***: nhiệt điện, thủy điện, điện nguyên tử, điện từ NL gió, Mtrời…

***- Sản lượng*** khoảng 15000 tỉ kwh.

***- Phân bố*** chủ yếu ở các nước phát triển .

**II. CÔNG NGHIỆP LUYỆN KIM** **(Học sinh tự học)**

---------------/-------------